View

Nội dung



- Khái niệm View
- Xây dựng View bằng cửa sổ công cụ
 SQL Server Management Studio
- Xây dựng View bằng câu lệnh T-SQL
- Tạo chỉ mục cho View

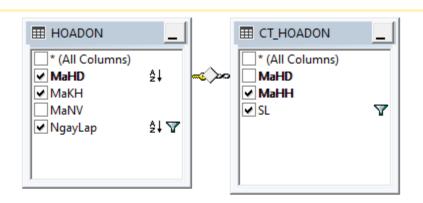
Khung nhìn (view)

- Là một bảng tạm thời gồm 1 số thuộc tính từ nhiều bảng khác nhau
- Ý nghĩa:
 - Truy cập đến dữ liệu dễ dàng
 - An toàn dữ liệu

Định nghĩa VIEW

- View là bảng không chứa dữ liệu, nó chỉ là truy vấn kết hợp dữ liệu từ 1 hay nhiều bảng có quan hệ với nhau và được lưu thành một đối tượng của SQL SV
- -NSD có thể áp dụng ngôn ngữ thao tác dữ liệu trên các View giống như Table.

Xây dựng view bằng SSMS



Column	Alias	Table	Outp	Sort Type	Sort Order	Filter	Or	Or	Or
MaHD		HOADON	~	Ascending	1				
MaKH		HOADON	\checkmark						
NgayLap		HOADON	~	Ascending	2	= '17/03/2015'			
MaHH		CT_HOAD	~						
SL		CT_HOAD	\checkmark				> 10		

SELECT TOP (100) PERCENT dbo.HOADON.MaHD, dbo.HOADON.MaKH, dbo.HOADON.NgayLap, dbo.CT_HOADON.MaHH, dbo.CT_HOADON.SL

FROM dbo.HOADON INNER JOIN

dbo.CT_HOADON ON dbo.HOADON.MaHD = dbo.CT_HOADON.MaHD

WHERE (dbo.HOADON.NgayLap = CONVERT(DATETIME, '2015-03-17 00:00:00', 102)) OR (dbo.CT_HOADON.SL > 10)

	MaHD	MaKH	NgayLap	MaHH	SL
•	0001	0019	2015-04-02 00:0	0004	15
	0002	0020	2016-04-03 00:0	0004	12

Định nghĩa view

Tao view:

```
CREATE VIEW Tên_khung_nhìn [ trường 1, trường 2, ... ] AS select_statement [ WITH CHECK OPTION ];
```

Xóa view:

DROP VIEW Tên_khung_nhìn;

Ví dụ 1

- Tao view:
- * /*tạo view gồm danh sách học sinh và điểm của lớp 10A1*/
 create view DSHS10A1
 as
 select DSHS.MAHS, HO+' '+TEN as HoVaTen, iif(NU=1, N'Nữ', 'Nam')
 as GioiTinh, NGAYSINH, LOP, TOAN, LY, HOA, VAN,
 round((TOAN*2+VAN*2+LY+HOA)/6,2) as DiemTB from DSHS, DIEM where
 DSHS.MAHS=DIEM.MAHS and LOP='10A1'
- select * from DSHS10A1
- Xóa view: DROP VIEW SV_Tinh;

Ví dụ 2

Tạo View nv_tre (nhân viên dưới 35 tuổi)
 CREATE VIEW nv_tre (Manv, Hoten, Tuoi)
 AS
 SELECT Manv, Hoten, Year(Getdate()) – Year(Ngaysinh)
 FROM NHANVIEN
 WHERE Year(Getdate()) – Year(Ngaysinh) <= 35

* Sử dụng View: SELECT * FROM NV_TRE

Nếu một thuộc tính trong View được xây dựng từ một biểu thức thì bắt buộc phải đặt tên cho thuộc tính đó.

Mục đích dùng VIEW

- Hạn chế tính phức tạp của dữ liệu đối với
 NSD đơn giản.
- Tạo ra bảng ảo có dữ liệu theo yêu cầu cho NSD và sử dụng trong thiết kế báo cáo.
- Hạn chế quyền truy cập dữ liệu của NSD.
- View dùng để trình bày các thông tin dẫn xuất.

Cập nhật dữ liệu thông qua View

- View định nghĩa dữ liệu trên một bảng thì có thể dùng Insert
- Nếu trong định nghĩa View có chứa mệnh đề Inner join thì không thể dùng các thao tác Insert hay Delete để thay đổi dữ liệu
- –Nếu trong định nghĩa View có chứa mệnh đề With check option thì chỉ những bản ghi thỏa mãn điều kiện của View mới được Insert, Update

Xây dựng View dựa trên View khác

- Khi xóa 1 view, mọi view được xây dựng dựa trên view đó cũng bị xóa.
- Có thể dùng thủ tục sp_helptext để xem định nghĩa View
- Tạo View bằng EM
- Mã hoá View: dùng WITH ENCRYPTION
 - Không thế xem được nội dung View
 - Không thể thay đối lại được

Tạo chỉ mục cho View

- View có WITH SCHEMABINDING
- Không có Top, Order, Distinct
- Không có hàm count()
- Không có Having
- Không có outer join
- Có người dùng hoặc dbo.

CREATE VIEW SVDiem

```
WITH SCHEMABINDING AS
```

SELECT DSSV.MaSV, DSSV.HoVaTen, MonHoc.TenMon,
DiemMonHoc.Diem

FROM dbo.DSSV JOIN dbo.DiemMonHoc ON dbo.DSSV.MaSV=dbo.DiemMonHoc.MaSV

JOIN dbo.MonHoc On dbo.DiemMonHoc.MaMon=dbo.MonHoc.MaMon

- CREATE UNIQUE CLUSTERED INDEX IX_VSVDiem
 ON SVDiem (MaSV, HoVaTen, TenMon, Diem);
- select * from SVDiem with (NOEXPAND)

Cảm ơn các em đã chú ý lắng nghe

Những em chưa chú ý vẫn được cảm ơn bình thường